

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

NGUYỄN TRẦN LIÊM

**PHÁT HUY TÍNH NHÂN VĂN  
TRONG KIẾN TRÚC ĐƯƠNG ĐẠI VIỆT NAM**

CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC

MÃ SỐ: 9580101

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

Hà Nội - 2023

Luận án được hoàn thành tại:  
Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. TS Hoàng Văn Trinh**
- 2. TS Trần Đức Khuê**

Phản biện 1: PGS.TS Chế Đình Hoàng

Phản biện 2: PGS.TS Nguyễn Đình Thi

Phản biện 3: TS.KTS Vương Hải Long

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án Tiến sĩ cấp trường, tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội  
vào hồi        giờ        ngày        tháng 12 năm 2023

Có thể tìm hiểu luận án tại Thư viện Quốc Gia Việt Nam và Thư viện trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài:

Tính nhân văn (NV) là một chủ đề muôn thuở từ khi con người tự ý thức về bản thân mình, nhưng không bất biến mà luôn đổi mới cùng với sự phát triển của xã hội (XH). Kiến trúc (KT) là sản phẩm sáng tạo của con người, do con người xây dựng (XD) và vì con người mà phục vụ, nên từ bản chất đã mang tính NV. Kiến trúc ngày nay là sản phẩm hợp tác giữa những con người có vai trò khác nhau, trong đó KTS có vai trò điều tiết để KT vừa thiết thực, vừa phổ quát, giải quyết tổng hòa các mối quan hệ giữa con người với nhau và với tự nhiên. Đó là định hướng NV dẫn dắt sự phát triển sáng tạo.

Tiếp cận KT từ các khía cạnh của yếu tố “con người” là xu hướng đang được quan tâm trên thế giới. Nhận thức về tính NV và phương thức tiếp cận NV trong sáng tác KT cần được trang bị cho KTS ngay từ quá trình đào tạo, để lan tỏa và giúp ích nhiều hơn cho cộng đồng. Việc nghiên cứu đề tài **“Phát huy tính nhân văn trong kiến trúc đương đại Việt Nam”** là cấp thiết và có ý nghĩa quan trọng, góp phần tạo dựng nền KT Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc.

### 2. Mục đích nghiên cứu của luận án:

- Làm rõ nội hàm của tính nhân văn trong KT như một thuộc tính văn hóa (VH), làm cơ sở để nhận diện các đặc trưng của KT nhân văn.
- Xây dựng cách tiếp cận nhân văn trong sáng tác KT - tiếp nối từ VH cộng đồng truyền thống, hướng tới con người Việt Nam hiện đại.
- Xác lập các quan điểm & nguyên tắc phát huy tính nhân văn trong KT đương đại Việt Nam, bắt đầu từ định hướng nhân văn trong đào tạo KTS.

### 3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu:

- a. *Đối tượng nghiên cứu:* Các nhân tố hình thành giá trị nhân văn / tính nhân văn của tác phẩm kiến trúc.
- b. *Phạm vi nghiên cứu:* Về công trình: tác phẩm tiêu biểu của các KTS nổi tiếng. Về thời gian: thời kỳ hiện đại & đương đại (thế kỷ XX đến nay). Về đào tạo: các nội dung, phương pháp phục vụ đào tạo KTS ở Việt Nam (tham chiếu của các trường đào tạo KTS uy tín).

**4. Phương pháp nghiên cứu:** phương pháp thực chứng, phương pháp phân tích cấu trúc, phương pháp so sánh, phương pháp tổng hợp, phương pháp chuyên gia.

**5. Nội dung nghiên cứu:**

- Hệ thống hóa các quan điểm & nhận thức về tính nhân văn trong kiến trúc.
- Xây dựng cơ sở khoa học để nhận diện và tạo dựng tính nhân văn.
- Xác định các biểu hiện, các khía cạnh nhân văn trong kiến trúc.
- Đề xuất giải pháp, phương thức phát huy tính nhân văn trong kiến trúc.

**6. Kết quả nghiên cứu:**

- Làm rõ các khía cạnh đặc trưng của kiến trúc có tính nhân văn.
- Xác lập các biện pháp khai thác yếu tố con người trong sáng tác kiến trúc và đào tạo KTS theo định hướng nhân văn ở Việt Nam.
- Các quan điểm và nguyên tắc phát huy tính nhân văn trong kiến trúc.

**7. Các đóng góp mới:**

Đề xuất phương thức tiếp cận nhân văn trong sáng tác kiến trúc và tiếp cận nhân văn trong đào tạo kiến trúc sư ở Việt Nam.

- *Trong sáng tác kiến trúc:* Đề xuất giải pháp xây dựng mạch nhân văn góp phần định hướng nhân văn cho sáng tác kiến trúc ở Việt Nam.
- *Trong đào tạo KTS:* Đề xuất phương thức tiếp cận nhân văn trong đào tạo KTS ở Việt Nam làm tiền đề cho kiến trúc có tính nhân văn.

**8. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn:**

- *Giá trị lý thuyết:* cung cấp cơ sở lý luận và nhận thức có hệ thống về tính nhân văn cho công tác nghiên cứu, lý luận và phê bình kiến trúc;
- *Giá trị thực tiễn:* Là tài liệu tham khảo cho các KTS, góp phần phát triển kiến trúc Việt Nam “tiên tiến” và “bản sắc”. Góp phần nâng cao chất lượng công tác đào tạo KTS theo định hướng nhân văn.

**9. Cấu trúc luận án:**

Gồm 3 phần chính: Phần mở đầu (06 trang), Phần nội dung (141 trang) và Kết luận - Kiến nghị (03 trang). Phần nội dung có 03 chương: Chương 1 (49 trang) là tổng quan về vấn đề nghiên cứu, chương 2 (47 trang) là các cơ sở khoa học, chương 3 (45 trang) là các kết quả nghiên cứu của luận án.

## NỘI DUNG

### Chương 1: TỔNG QUAN VỀ VẤN ĐỀ NHÂN VĂN TRONG KIẾN TRÚC

#### 1.1 Vấn đề nhân văn trong lịch sử nhân loại

- “**Nhân văn**” nghĩa rộng (VH của con người) là sự thể hiện / phù hợp với những đặc trưng về VH - trùng với sự biểu hiện bản sắc VH / tính dân tộc. NV nghĩa hẹp (vẻ đẹp tinh thần của con người) đề cao các giá trị “người”, phản ánh vẻ đẹp tâm hồn của con người,.. Quan điểm NV đề cao con người với vai trò chủ thể VH, tôn vinh những phẩm chất tốt đẹp trong ứng xử giữa con người với nhau & với tự nhiên.

Nghiên cứu tính NV là khám phá đời sống tinh thần của con người thông qua các biểu hiện cụ thể (*yếu tố nhân văn*). Khi yếu tố NV trở nên thường trực, xuyên suốt, không bị giới hạn, trở thành mục đích chi phối & định hướng hành động, thì đó là **Tính nhân văn** - như một thuộc tính VH, thuộc về ý thức của con người.

- Yếu tố NV có lịch sử lâu đời, theo thời gian, nó ngày càng rõ nét trong triết học, đạo đức và tôn giáo. Tư tưởng NV lần đầu tiên được phát ngôn như một hệ thống quan điểm toàn vẹn ở châu Âu tk.XIV-XVI trong phong trào văn nghệ phục hưng - đề cao mẫu người mới tự do, hình thành tư tưởng NV lấy con người là trung tâm.

- Thời cận đại (tk.XVII-XVIII), cách mạng tư sản ở châu Âu dẫn tới sự hình thành Chủ nghĩa NV. Thời Hiện đại, con người giải phóng mình khỏi những áp lực của nhu cầu sinh học, chủ nghĩa nhân đạo XHCN ra đời, với mục tiêu phát triển con người toàn diện & hài hòa.

#### 1.2 Vấn đề nhân văn trong nghệ thuật

- Nghệ thuật dân gian là sản phẩm tự thân của người dân, phản ánh ước vọng & đáp ứng nhu cầu tinh thần trong cuộc sống hàng ngày. Con người được thể hiện mộc mạc, hồn nhiên.

- Nghệ thuật hàn lâm phương Tây bắt nguồn từ các nghi lễ tôn giáo, hướng tới cái đẹp lý tưởng. Khi thần quyền suy yếu, nghệ thuật hàn lâm được trọng dụng để phục vụ vương quyền, sau này là chính quyền tư sản.

Sở hữu, thường thức nghệ thuật là đặc quyền của tầng lớp thượng lưu, giới nghệ sĩ tinh hoa cũng tách mình khỏi đại chúng.

- XH phát triển dân chủ hóa, hướng tới sự bình đẳng, đề cao sự khác biệt & đa dạng. Phương thức biểu đạt chuyển dần sang siêu thực, phản ánh cảm nhận cá nhân, nhấn mạnh tính thời điểm, đa dạng hóa ngôn ngữ biểu đạt, thể hiện tinh thần tự do, hiện sinh.

- Giá trị NV của một tác phẩm nghệ thuật là sự hội tụ nhiều yếu tố NV tiêu biểu, phản ánh những khía cạnh đa dạng của con người. Các nghệ thuật hiện đại & đương đại thường sử dụng phương thức siêu thực, tác phẩm có sự hòa trộn yếu tố con người trong nhiều lĩnh vực, nhiều khía cạnh → giá trị NV tích hợp đa nguồn gốc.

### **1.3 Vấn đề nhân văn và yếu tố con người trong kiến trúc**

Luận án đã khảo cứu, phân tích sự hiện diện của yếu tố “con người” - chủ thể NV trong KT theo dòng lịch sử. Có sự khác biệt giữa tư tưởng “con người chinh phục tự nhiên” (phương Tây) & triết lý “con người hòa hợp với tự nhiên” (phương Đông) dẫn đến những biểu hiện rất khác nhau trong ứng xử giữa KT & môi trường tự nhiên.

Thời cổ đại, con người làm nhà để ở, đáp ứng nhu cầu đơn giản của bản thân, của họ tộc - nên KT đồng nhất với con người. Thời trung đại, KT được làm theo những kiểu mẫu & các mô thức dân gian, nhu cầu của cộng đồng được ưu tiên, KT mang tính NV theo nghĩa rộng. Từ thời Phục hưng, KT tách khỏi hoạt động XD, vai trò của KTS được đề cao, nhưng cũng bắt đầu có sự chia cách giữa KT & con người. Ngày nay, KT phải đáp ứng sự đa dạng nhu cầu & đa dạng đối tượng người khác nhau, khiến cho KT bị chi phối & xa dần những người sử dụng - đáng lẽ phải là chủ thể gắn bó với nó.

### **1.4 Thực trạng kiến trúc Việt Nam nhìn từ quan điểm NV**

- Kiến trúc dân gian / truyền thống có tính hòa đồng, phản ánh giá trị cộng đồng, hòa hợp với con người & địa điểm.

- Thời Pháp thuộc, QH & KT có sự ảnh hưởng rõ nét của phương Tây, khai thác các yếu tố bản địa, phản ánh sự giao thoa & tiếp biến VH.

- Những năm 1954-1975, Miền Bắc trong hoàn cảnh chiến tranh, KT ít

thể loại, đáp ứng nhu cầu tối thiểu. Miền Nam chịu ảnh hưởng của Mỹ & phương Tây, KT hiện đại nhiệt đới hóa. Giá trị NV thể hiện qua các thiết kế phù hợp với điều kiện khí hậu & bối cảnh VH.

- Sau năm 1975, đất nước thống nhất nhưng kinh tế suy thoái. KT đáp ứng các yêu cầu cơ bản. Từ năm 1986, Việt Nam đổi mới & mở cửa, đến những năm 2000- KT Việt Nam đã bắt đầu tiếp cận các xu hướng đương đại thế giới. Tuy nhiên, QH-KT nông thôn nhiều nơi rập khuôn theo đô thị. KT của đồng bào miền núi, có đổi mới / phát triển nhưng thiếu kiểm soát → lai tạp. Ở đô thị, cùng với sự đa dạng của các loại vật liệu, KT trở nên thương mại hóa / tầm thường hóa → phản ánh sự khủng hoảng giá trị thẩm mỹ. Tuy vậy, vẫn có những KTS & công trình nổi bật về tính NV - quan tâm đến tâm thức & cảm nhận của con người, đưa KT đến gần hơn với người dân: KTS. Lê Hiệp, KTS. Nguyễn Tiến Thuận, KTS. Nguyễn Văn Tất...

- Xu hướng Kiến trúc vì cộng đồng bắt đầu từ những năm 2010-, mang lại những lợi ích thiết thực cho người dân, hướng tới những đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương trong XH. Hai gương mặt tiêu biểu là KTS. Hoàng Thúc Hào, KTS. Đoàn Thanh Hà.

### **1.5 Vấn đề nhân văn trong đào tạo kiến trúc sư**

- Có 3 định hướng đào tạo KTS được áp dụng phổ biến trên thế giới: *Đào tạo theo định hướng nghệ thuật, đào tạo theo định hướng kỹ thuật, và đào tạo định hướng tổng hợp.*

- Ở Việt Nam, đào tạo KTS hiện đang quá coi trọng các yếu tố vật chất - kỹ thuật nên hạn chế vai trò của yếu tố con người. Kiến thức chuyên ngành & bổ trợ không thành hệ thống để vận dụng ngay vào thiết kế. Tỷ lệ GV/SV thấp & điều kiện cơ sở vật chất chưa đạt yêu cầu. Nội dung chương trình là đào tạo KTS sáng tác, nhưng không có được bằng KTS theo chuẩn quốc tế (Diploma of Architecture).

### **1.6 Tình hình nghiên cứu về vấn đề nhân văn trong kiến trúc**

Do nhận thức về NV thay đổi theo thời gian & không gian, nên vấn đề NV trong KT hiện đại khó được tổng quan một cách đầy đủ & hệ thống. Yếu tố NV trong các nghiên cứu về KT chủ yếu là các khía cạnh liên quan đến con người - ban đầu là để phản ánh quan niệm của tác giả;

sau chuyển dần sang đáp ứng các nhu cầu tinh thần & hiệu quả thụ cảm của người sử dụng, hướng tới con người, lấy con người làm trung tâm (Human-centrism / Human-centered).

Ở Việt Nam, do bối cảnh lịch sử nên việc nghiên cứu về NV nói chung và tính NV trong KT nói riêng vẫn còn nhiều khoảng trống. Các nghiên cứu về tư tưởng NV, chủ nghĩa NV và vấn đề NV cũng chưa được vận dụng vào KT. Yếu tố NV trong KT được mặc định là sẵn có hoặc cần có, nhưng không rõ có được bằng cách nào. Các nghiên cứu & lý luận trước đây đều cho rằng kiến trúc NV là do KTS thiết kế - không cùng bản chất với giá trị NV của KT dân gian (do cộng đồng tạo dựng), nên khó kế thừa & tích hợp. Nguyên do là chưa có những nghiên cứu về **tính nhân văn** như một thuộc tính không thể thiếu & cần được phát huy để trở thành một phẩm chất VH trong KT thời đại mới. Luận án xác định hướng nghiên cứu:

- + Làm rõ tính NV như một phẩm chất thiết yếu của KT & vai trò của KTS trong việc định hướng / dẫn dắt quá trình thiết kế hướng tới các mục tiêu NV.
- + Làm rõ cấu trúc tư duy sáng tạo KT hướng đến mục đích NV. Hệ thống hóa quan điểm, cách tiếp cận & các nguyên tắc phát huy tính NV trong KT đương đại Việt Nam.
- + Vận dụng phương pháp luận NV để đổi mới nội dung / phương pháp đào tạo KTS theo định hướng NV.

## **Chương 2: CÁC CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA TÍNH NHÂN VĂN TRONG KIẾN TRÚC ĐƯƠNG ĐẠI**

### **2.1 Đối tượng và phương pháp nghiên cứu**

#### **2.1.1 Tính nhân văn trong kiến trúc**

- Nghiên cứu NV trong KT là khám phá mối liên hệ giữa những khía cạnh thuộc về con người & các biểu hiện vật chất trong công trình. Đó là các yếu tố NV phản ánh VH & vẻ đẹp tinh thần của con người.
- Đầu tk.XXI, hệ sinh thái NV (STNV) được tích lũy đủ về lượng & chất, “nhân văn” đã trở thành một phẩm chất thường trực chi phối, định hướng



các mối quan hệ & tương tác của con người. KT là môi trường vật thể chủ đạo của hệ STNV, do đó **tính nhân văn** trong KT trở thành một thuộc tính VH, thuộc về ý thức, từ *nội tâm* đến *hành động* & *kết quả* (Hình 2.1).

### 2.1.2 Phương pháp luận nghiên cứu

- *Phương pháp luận NV*: Lấy con người làm yếu tố kết nối xuyên suốt quá trình hành động.

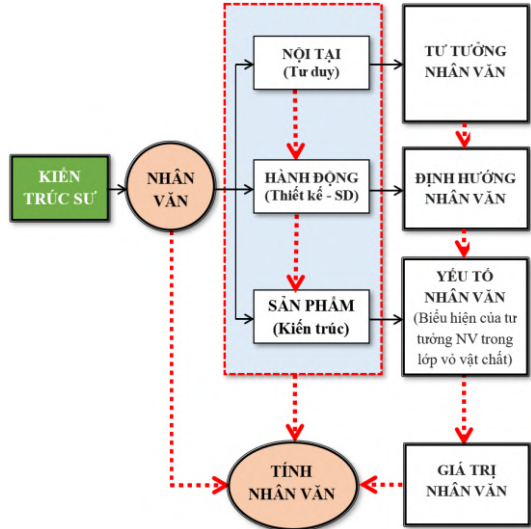
- *Phương thức tiếp cận nhân học*: ứng dụng kết quả của các nghiên cứu về con người để tạo dựng KT, đặt con người vào vị trí trung tâm.

- *Tư duy hệ thống & tổng hợp*: KT như một hệ thống mở, các thành phần phụ thuộc lẫn nhau & tương tác với môi trường. Nghiên cứu, thiết kế KT bắt đầu bằng phân tích, rồi tổng hợp thông tin để mô hình hóa.

- *Các phương pháp nghiên cứu*: Phương pháp thực chứng, phương pháp phân tích cấu trúc, phương pháp so sánh, phương pháp tổng hợp / quy nạp, phương pháp chuyên gia.

### 2.2 Cơ sở triết học của tính nhân văn

Hệ vấn đề con người là một nội dung triết học chủ đạo, đặc biệt phát triển ở thời hiện đại & đương đại. Từ tk.XVIII đã hình thành Nhân học như một khoa học về con người, định hướng triết học tk.XIX-XX vào việc giải quyết vấn đề con người & quan hệ của con người với thế giới. KT được triết học đề cập như là sự hiện thực hóa các khái niệm “không gian”, “nơi chốn” gắn với con người. KT không phải là những không gian trống rỗng / những hình khối thuần túy, đó là những “nơi chốn” NV mà con người gắn bó. Cư trú ở một nơi chốn - tức là con người đã gửi gắm ở đó cả thể xác & tinh thần, tình cảm của mình.



Hình 2.1: Tính NV & các biểu hiện trong KT

Trong triết lý Vô Vi, Lão Tử đã đề cập: không gian KT là cái “Vô” - nhưng không tuyệt đối trống rỗng, mà chứa đựng khởi đầu của cái mới đang sinh ra & phát triển. Triết lý này hướng đến sự hòa hợp về tinh thần với thế giới xung quanh - là cơ sở của ứng xử NV với KT & con người đương đại. Theo các triết thuyết cơ bản của Á Đông thì trong KT phải cân bằng Âm - Dương, có cấu trúc 3 phần tương ứng với Tam tài, và phải hội đủ Ngũ hành để ổn định & trường tồn.

### **2.3 Cơ sở văn hóa của tính nhân văn**

- Bên cạnh chữ viết / lời nói, các hệ thống biểu tượng & ngôn ngữ KT cũng lưu giữ & phản ánh các giá trị NV. Môi trường VH-XH tại mỗi địa phương thể hiện quan niệm & giá trị NV của mỗi cộng đồng. KT phản ánh sự phát triển tiếp nối của VH từ quá khứ tới hiện tại. VH kiến trúc là tổng thể các tri thức & sản phẩm KT hình thành dưới tác động thường xuyên & thống nhất của VH, do đó mối quan hệ giữa VH & KT là thường trực.

- Người Việt không phát triển tính NV thành tư tưởng, nhưng trong ứng xử luôn coi trọng chữ “Nhân”. Tính cộng đồng là đặc trưng quan trọng của VH Việt Nam, cũng là một sắc thái đặc biệt của tính NV. Trong XH hiện đại, tính cộng đồng tiếp tục được chuyển hóa vào cuộc sống. Phần lớn cư dân đô thị vẫn duy trì nếp sinh hoạt với nhiều quan hệ cộng đồng, chung sống nhiều thế hệ, coi trọng gia đình & quan hệ hàng xóm láng giềng.

### **2.4 Các cơ sở xã hội học của tính nhân văn**

“*Con người là thực thể nhu cầu*” (Hegel). Tiếp cận NV xem nhu cầu & lợi ích là động lực phát triển cá nhân cũng như XH. Con người là sinh thể có nhân cách, có nhu cầu về tinh thần. XH đương đại có sự chuyển dịch trọng tâm từ các nhu cầu vật chất sang nhu cầu được tôn trọng & thể hiện bản thân coi trọng giá trị tinh thần.

Nhu cầu là của cá nhân, nhưng con người luôn hợp tác với nhau tạo thành các cộng đồng. Cộng đồng là một thực thể XH gồm các cá nhân liên kết với nhau, tính chất của liên kết tạo nên diện mạo của cộng đồng. XH là cộng đồng những người gắn kết với nhau do sự liên minh / hợp tác ở cấp vĩ mô. Mỗi thành viên thể hiện đồng thời cả con người cá nhân & con người XH, các cộng đồng nhỏ là môi trường duy trì, nuôi dưỡng các đặc trưng

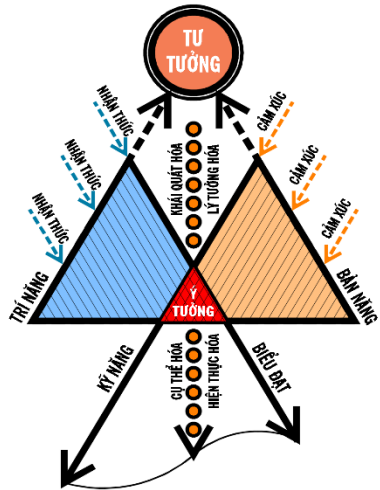
VH. Khi KT hướng tới các cộng đồng này, góp phần củng cố & phát triển các mối quan hệ NV xung quanh - thì KT có tính NV. Việc phát huy tính NV trong KT phù hợp với tư tưởng & bối cảnh VH-XH phương Đông. Điều thể hiện tinh thần NV, nhưng vẫn minh phương Tây đề cao cái cá biệt & tự do cá nhân, còn VH Á Đông thì hướng tới tính cộng đồng truyền thống.

## 2.5 Cơ sở nhân văn trong phương pháp luận sáng tác KT

Kiến trúc là tổng hòa của nhiều yếu tố đối lập, đa thành phần, đa nguồn gốc trong một thể thống nhất & bền vững; là thành tố quan trọng của hệ thống VH; là môi trường vật thể kết nối các hệ STTN & STNV - trong đó con người với tư cách chủ thể VH đóng vai trò quyết định. *Kiến trúc là nghệ thuật tổ chức không gian nhằm đáp ứng các nhu cầu vật chất & tinh thần của con người.* Từ đó, các KTS sẽ có cách ứng xử phù hợp vì cuộc sống của những con người sẽ ở trong không gian đó.

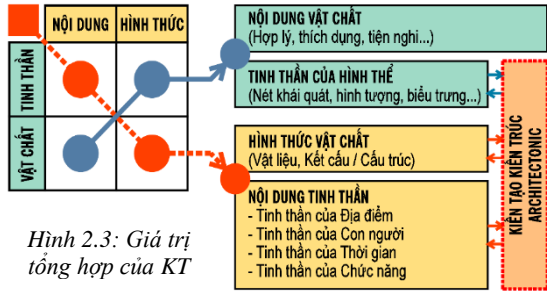
Tư duy sáng tạo là hoạt động trí tuệ nhằm nâng cấp nhận thức. Ý tưởng là sản phẩm đầu tiên của tư duy sáng tạo. Tư duy sáng tạo vận hành trong cả quá trình sáng tác & thiết kế, ý tưởng được phát triển với 2 quá trình: Khái quát hóa / lý tưởng hóa & Cụ thể hóa / hiện thực hóa. Khả năng tư duy sáng tạo là sự tổng hợp các năng lực thành phần: *Trí năng + Bản năng + Kỹ năng.* Để sáng tạo KT mang tính NV thì KTS cần có tư tưởng NV, có sự nhạy cảm để đồng cảm với con người & ứng xử phù hợp trong giải pháp thiết kế. Tư duy sáng tạo hướng tới mục tiêu kiến tạo KT - thống nhất hữu cơ giữa tính năng của vật liệu, giải pháp kết cấu, tổ chức không gian, hình thức KT.

KT là “nghệ thuật tổ chức” hướng tới sự thống nhất giữa nội dung & hình thức, giữa lý tưởng & hiện thực nhằm cộng hưởng các giá trị vật chất & tinh thần. KT phải phối hợp các



Hình 2.2: Sự hình thành & phát triển của ý tưởng KT

khía cạnh của giá trị thẩm mỹ / giá trị vật chất, đồng thời biểu đạt những yếu tố tinh thần thì mới đạt đến giá trị NV. Kiến trúc NV là KT vì con người - hướng tới người dân bình thường, trong những hoàn cảnh thực tế, đáp ứng những nhu cầu thiết thực, gắn với cuộc sống.



Hình 2.3: Giá trị tổng hợp của KT

## 2.6 Các yếu tố ảnh hưởng đến tính NV trong KT Việt Nam

- *Môi trường pháp lý & tính NV*: Môi trường pháp lý còn nhiều bất cập so với thực tiễn.
- *Định hướng phát triển VH & KT Việt Nam*: KT Việt Nam được định hướng theo đường lối chung của Đảng về phát triển VH. “Nhân văn” là 1 trong 4 đặc trưng của nền VH (“*dân tộc, nhân văn, dân chủ, khoa học*”), cũng là định hướng lớn cho VH Việt Nam thời kỳ quá độ.
- *Điều kiện kinh tế & tính NV*: Kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu, nhưng cũng làm gia tăng sự phân cách giàu - nghèo. Vấn đề kinh tế liên quan đến yếu tố NV trong KT không chỉ ở chỗ tối ưu hóa hiệu quả sử dụng, mà còn ở khả năng tạo ra sinh kế bền vững, góp phần trực tiếp cải thiện đời sống của người dân.
- *Điều kiện kỹ thuật - công nghệ & tính NV*: KH-CN hiện đại ảnh hưởng ngày càng sâu rộng vào đời sống XH, nhưng việc sử dụng đúng mức & hiệu quả lại phụ thuộc vào ý thức của mỗi người. Kiến trúc NV không nên theo đuổi những công nghệ tân tiến nhất / tốn kém nhất mà cần khai thác các công nghệ thích hợp.
- *Môi trường VH đô thị & tính NV*: Ở đô thị, các quan hệ NV tương đối phức tạp. Đô thị là quần cư mật độ cao, với sự vận hành của nhiều hệ thống, dẫn đến nhu cầu phối hợp để cùng tồn tại & phát triển.

## 2.7 Kinh nghiệm thực tiễn về kiến trúc theo hướng nhân văn

### 2.7.1 Kinh nghiệm kiến trúc thế giới

Nhân văn hóa đã trở thành xu thế phát triển chủ đạo của thế giới ở

đầu tk.XXI. KT càng hiện đại thì càng được nhìn nhận nhiều hơn về các giá trị tinh thần & quan điểm NV. Qua 40 năm giải Pritzker, có thể thấy rõ xu thế lựa chọn những KTS theo đuổi tinh thần NV, đề cao ý thức trách nhiệm với XH, vì con người và cộng đồng.

Một số giải thưởng KT quốc tế uy tín khác dành riêng cho công trình thể hiện tính NV / nhân đạo / vì con người và cộng đồng. Điển hình là Aga Khan Award dành cho KT đáp ứng nhu cầu và ước nguyện của người dân khu vực VH Hồi giáo; hay Vassili Sgoutas Prize của UIA dành cho KT phục vụ người nghèo. A+Award từ năm 2016 cũng đã mở thêm hạng mục “Architecture + Humanitarianism”.

### **2.7.2 Yếu tố NV trong KT của các KTS tiêu biểu đoạt giải Pritzker**

- *Robert Venturi*: chủ trương KT không thuần khiết mà “phức tạp & mâu thuẫn” như hiện thực cuộc sống, gần với bản chất con người;
- *Peter Zumthor*: tối giản hóa vật liệu / hình khối để làm nổi bật giá trị tinh thần của KT;
- *Tadao Ando*: dùng sự tối giản về hình thể & vật liệu để thanh lọc nhận thức, gợi mở tư duy;
- *Wang Shu*: trân trọng các yếu tố VH địa phương, đề cao các khía cạnh tinh thần của chức năng / hình thể / thời gian & con người;
- *Toyo Ito*: ngôn ngữ KT đa dạng, không lặp lại, biểu hiện tinh thần chuyển hóa luận của truyền thống VH Nhật Bản;
- *Alejandro Aravena*: thiết kế các khu nhà ở XH thấp tầng theo nguyên tắc 50-50. Giải pháp thiết kế đã dự trù, cho phép người dân có thể tự mở rộng để đáp ứng nhu cầu ở trong tương lai.
- *Diebedo Francis Kéré*: sử dụng vật liệu truyền thống, kỹ thuật thủ công, nhân lực tại chỗ - tạo cơ hội cho người dân tại những vùng đất khắc nghiệt & nghèo khó.

## **Chương 3: PHÁT HUY TÍNH NHÂN VĂN TRONG KIẾN TRÚC ĐƯƠNG ĐẠI VÀ ĐÀO TẠO KTS Ở VIỆT NAM**

### **3.1 Quan điểm và nguyên tắc**

- *Quan điểm về tính NV & phát huy tính NV trong kiến trúc*

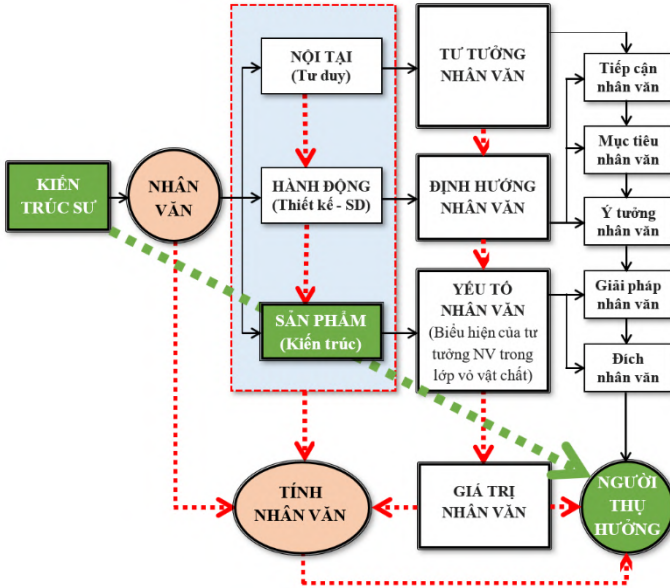
- Tính NV là một thuộc tính VH, một phẩm chất tinh thần của KT. Do đó, tính NV là yêu cầu thuộc về nội dung tinh thần, là mục đích xuyên suốt toàn bộ quá trình tạo dựng KT. KTS là chủ thể sáng tạo có trách nhiệm thiết lập những tiền đề NV ban đầu cho KT.
- Tính NV của KT là thuộc tính thường trực / thường xuyên. Để KT có tính NV cần nhấn mạnh sự hiện diện của yếu tố “con người”, tôn vinh các khía cạnh NV, lấy con người NV làm hạt nhân trung tâm.
- Tính NV là thuộc tính xuyên thời gian, phản ánh những con người chủ thể nối tiếp nhau, đóng góp giá trị NV ở những giai đoạn khác nhau. Liên kết các yếu tố NV đó thành một mạch NV liên tục sẽ hình thành chuỗi giá trị NV trong KT.
- NV là thuộc tính chung, biểu hiện cụ thể là cái riêng. Từ các hiện tượng riêng sẽ tổng kết được tính chất NV chung. Đó là cơ sở cho việc phát huy tính NV với sự kế thừa các giá trị NV truyền thống.
  - *Nguyên tắc phát huy tính NV trong kiến trúc*
- Nguyên tắc về kế thừa truyền thống NV: Duy trì & tiếp nối các đặc điểm NV của VH dân tộc.
- Nguyên tắc về khám phá & sáng tạo: Khám phá những yếu tố / giá trị NV đã được hình thành & kiểm chứng trong thực tiễn KT. Sáng tạo những giá trị mới trên cơ sở sàng lọc những yếu tố lạc hậu, phát huy những giá trị tinh hoa trong những biểu hiện mới của KT.
- Nguyên tắc về sự tiếp nối hiệu quả NV: Hiệu quả NV được kiểm chứng trong quá trình con người sử dụng công trình, nhưng tính NV cần được các KTS cài đặt ngay từ lúc nghiên cứu, cho phép người sử dụng có thể tiếp tục đóng góp giá trị NV trong quá trình khai thác KT.
- Nguyên tắc đa dạng hóa biểu hiện NV: KT phản ánh không gian, thời gian & chủ thể qua ngôn ngữ của tác giả. Bản tính NV là tự thân và tự nhiên, luôn cởi mở, chấp nhận sự cùng tồn tại những cái riêng, hướng tới sự phong phú đa dạng, miễn là phục vụ tốt cho cộng đồng.
- Nguyên tắc tối đa hóa chủ thể NV: Tính NV trong KT gắn liền với sự hiện diện trực tiếp & rõ nét của yếu tố “con người”. Cần tạo điều kiện cho việc đa dạng hóa sự góp mặt của những con người cá nhân & tối đa

hóa sự tham gia của con người cộng đồng.

- Nguyên tắc NV hóa chủ thể sáng tạo: Tác giả KTS cần có tư tưởng NV, có ý thức vì cộng đồng, có VH ứng xử... trên cơ sở bản tính nhân ái. Như vậy, cần đổi mới công tác đào tạo KT theo định hướng NV.

### 3.2 Phát huy tính nhân văn trong sáng tác kiến trúc

#### 3.2.1 Mạch nhân văn trong kiến trúc



Hình 3.1: Sơ đồ vận hành chuỗi giá trị NV trong KT

Tính NV trong KT phụ thuộc vào nhiều đối tượng, nhiều yếu tố. KTS đóng vai trò quan trọng cho sự tích hợp bền vững các yếu tố NV để hình thành giá trị NV. Mạch NV trong kiến tạo KT gồm: Khởi điểm NV → Định hướng NV (Tiếp cận & Mục tiêu) → Giải pháp NV → “Đích” NV. Yếu tố NV trong mỗi giai đoạn được liên kết thành chuỗi NV liền mạch & cộng hưởng với nhau để hình thành giá trị NV trong KT.

- *Khởi điểm nhân văn*: Xuất phát điểm NV của kiến trúc chính là tác giả - Kiến trúc sư NV.

- *Định hướng nhân văn*: Từ tiếp cận NV, hướng tới mục tiêu NV để hình thành ý tưởng NV. Tiếp cận NV từ những khía cạnh cụ thể của những

con người hiện thực. Mục tiêu NV hướng tới những vấn đề thiết thực, của những con người hiện thực & cụ thể.

- *Nội dung / Giải pháp nhân văn*: Cụ thể hóa định hướng NV thành các giải pháp thiết kế & các biểu hiện NV. Các giải pháp kiến trúc, XD & vận hành đồng bộ với nhau để phục vụ những con người sẽ trực tiếp sử dụng và gắn bó lâu dài với KT như một “nơi chốn” NV.

- *“Đích” nhân văn*: Giá trị NV được phát huy & duy trì lâu dài trong KT. Phạm vi, đối tượng phục vụ được mở rộng đến những “con người” xa hơn về thời gian (các thế hệ tiếp theo) & rộng hơn trong quan hệ với KT (cộng đồng dân cư quanh địa điểm XD).

### 3.2.2 Các đặc trưng nhân văn của kiến trúc

- *Nội dung nhân văn (khía cạnh chức năng)*

NỘI DUNG CHỨC NĂNG	NỘI DUNG NHÂN VĂN CỦA KIẾN TRÚC
<b>NỘI DUNG VẬT CHẤT</b> (Chức năng sử dụng)	<b>Kiến trúc công cộng:</b> (Ngôi nhà chung của cộng đồng / XH)  <b>Kiến trúc nhà ở</b> (Nơi chốn an trú của con người)  <b>Kiến trúc công nghiệp</b> (Không gian vận hành của máy móc)
<b>NỘI DUNG TINH THẦN</b> (Chức năng nhân văn)	- Phân ánh nhu cầu chung, đại diện -> kết nối mọi người, không phụ thuộc vào thời gian. - Công bằng / dân chủ trong khả năng tiếp cận. - Thân thiện / hòa đồng trong hoạt động. Tôn trọng mọi đối tượng sử dụng. - Đáp ứng / thể hiện nhu cầu của cộng đồng. - Tạo cảm giác gần gũi, ấm cúng, thân thuộc, ổn định. - Liên kết với con người ở nhiều mức độ thời gian (hàng ngày / nhiều năm / đời người / nhiều thế hệ...) - Cấu trúc không gian ở có nhiều tầng bậc: cá nhân / gia đình / cộng đồng / XH. Cái riêng của cá nhân phân ánh / biểu hiện tinh thần NV chung, tạo nên sự thống nhất trong đa dạng. - Tính kỹ thuật & quy mô lớn không tạo cảm giác áp chế con người. - Kiến trúc thể hiện sự quan tâm & tôn trọng đối với người lao động, đảm bảo các điều kiện vật chất và tâm lý của con người -> gia tăng tinh thần trách nhiệm / hiệu quả / sáng tạo trong công việc. - Tạo môi trường đẹp / hài hòa. - Tạo xúc cảm thẩm mỹ phù hợp với cộng đồng. - Phân ánh mục đích / quan niệm & năng lực biểu cảm của con người. - Phân ánh nhận thức lý tính & cảm thức thẩm mỹ của con người. - Thông qua môi trường KT, tạo cơ hội trải nghiệm, củng cố kinh nghiệm, điều chỉnh nhận thức & hành vi của con người. - Chuyển tải thông tin về nội dung công trình. (chức năng / hoạt động / thành phần / cấu trúc...) - Phân ánh nhận thức và tư duy của con người (ý nghĩa / thông điệp...) - Tạo cơ hội (cùng có mặt / hoạt động), tạo điều kiện (cùng quan tâm / đồng cảm) để gặp gỡ, giao lưu, giao tiếp, tương tác, sẻ chia... - Hình thành các mối quan hệ giữa con người với nhau & với cộng đồng - Đảm bảo khả năng tiếp cận sử dụng bình đẳng. - Đáp ứng tốt nhu cầu của mọi người (không phân biệt), vì sự công bằng XH & hòa nhập cộng đồng.

Bảng 3.1: Các nội dung nhân văn của kiến trúc



• *Mục tiêu nhân văn (đối tượng phục vụ)*

Kiến trúc NV tối đa hóa sự hiện diện của yếu tố con người trong vai trò chủ thể của KT, đặt mục tiêu đáp ứng & phục vụ con người.

MỤC TIÊU NHÂN VĂN	CÁC YẾU CẤU CỤ THỂ	
<b>Tối đa hóa sự hiện diện của yếu tố con người với vai trò chủ thể, đặc biệt là người sử dụng.</b>	Nhóm tạo dựng	- Kiến trúc sư nhân văn: Nhân ái / thấu cảm, biết giá trị của KT (vật chất / tinh thần / nhân văn).
		- Nhà đầu tư: Biết dừng đúng chỗ (lợi nhuận vật chất không phải là yếu tố quyết định cuối cùng).
	Nhóm thụ hưởng	- Nhà quản lý: Có văn hóa (biết vì cộng đồng / vì lợi ích chung).
		- Nhà thầu XD: Chuyên nghiệp / chất lượng.
		- Người sử dụng / người vận hành (Chủ thể NV trực tiếp với KT): Được quan tâm sâu sắc hơn, hiện diện rõ ràng hơn trong quá trình thiết kế. Có trách nhiệm trong giữ gìn, bảo vệ, duy trì, nâng cao giá trị môi trường / kiến trúc.
- Cộng đồng / XH: Nhận thức và lan tỏa giá trị của KT.		
- Lý luận - Phê bình: Biết phát hiện & làm rõ chân giá trị của KT		
<b>Đáp ứng và phục vụ con người.</b>	- KT thân thiện, gắn gũi & gắn liền với đời sống của con người.	
	- Giải pháp thiết kế tạo sự công bằng cho mọi người tiếp cận / sử dụng.	
	- KT góp phần thiết lập / củng cố các mối quan hệ cộng sinh & NV trong cộng đồng.	
	- KT có giải pháp hỗ trợ / cải thiện cuộc sống, bù đắp sự thiệt thòi cho những cộng đồng không chính thống - những người yếu thế, thua thiệt, không có cơ hội phát triển trong XH.	
	- Các kết quả điều tra, khảo sát kỹ lưỡng & đáng tin cậy để cung cấp dữ liệu NV đầu vào cho thiết kế.	

*Bảng 3.2: Các mục tiêu nhân văn của kiến trúc*

• *Biểu hiện nhân văn (khía cạnh hình thức)*

TÍNH NHÂN VĂN	BIỂU HIỆN CỦA TÍNH NHÂN VĂN TRONG KIẾN TRÚC
<b>Là một thuộc tính nội tại của kiến trúc (khía cạnh hình thức).</b>	- Hiện diện một cách tự nhiên (như cái vốn có, không thái quá, không cường điệu / phô trương)
	- Hiện diện thường trực (tiếp nối liên tục: Quá khứ - Hiện tại - Tương Lai)
	- Hình thức kiến trúc phản ánh đặc trưng của con người (phù hợp với suy nghĩ / tình cảm của con người, cho phép đa dạng đối tượng con người tham gia vào kiến trúc)
<b>Là phẩm chất thuộc về nội dung tinh thần của kiến trúc.</b>	- Biểu hiện NV trong kiến trúc không chỉ là vẻ đẹp của hình thức bên ngoài, mà còn là vẻ đẹp của kiến trúc trong sự gắn kết với các hoạt động của con người. Con người từ chủ thể sử dụng được nâng lên tầm chủ thể thẩm mỹ trong kiến trúc.
	- Cái đẹp NV là những giá trị thẩm mỹ của sự cảm thức, là kết quả của quan hệ tương tác thẩm mỹ giữa con người và kiến trúc, trong đó con người hiện thực hóa năng lực biểu hiện bản thân.
	- Biểu hiện thẩm mỹ của tính NV trong kiến trúc phản ánh cảm xúc nội tâm - rung động thẩm mỹ về nội dung NV mà con người cảm nhận được bằng cả lý trí và tình cảm, cả trực quan sinh động và tư duy trừu tượng.
<b>Kiến trúc nhân văn hướng tới sự biểu hiện của cái Hài (một phạm trù cơ bản của cái Đẹp trong nghệ thuật)</b>	- Biểu hiện tự nhiên, phong phú, thân thiện, dễ đồng cảm và lan tỏa.
	- Mang lại cho con người niềm vui, tinh thần lạc quan, gọi cảm xúc nhẹ nhàng / thoải mái / dễ chịu, qua đó nhận thức được các ý nghĩa sâu xa, lắng đọng, giúp con người giải tỏa những bức xúc / cân bằng, vượt qua những áp lực của cuộc sống.
	- Biểu hiện phù hợp với cơ sở thực tiễn VH Việt Nam: Chất Hài vốn là một đặc trưng VH truyền thống của người Việt, trong giao tiếp hàng ngày cũng như trong nghệ thuật dân gian.

*Bảng 3.3: Các biểu hiện của tính nhân văn trong kiến trúc*

• *Hiệu quả nhân văn*

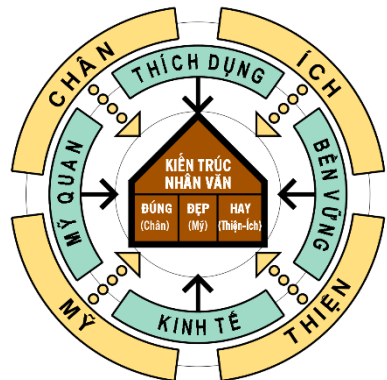
HIỆU QUẢ NHÂN VĂN - GIÁ TRỊ NHÂN VĂN CỦA KIẾN TRÚC	
Khi tinh NV là một phẩm chất tự thân của kiến trúc.	- Đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng của con người, hoàn thiện / cùng có mối quan hệ giữa con người với cộng đồng. Bổ sung, kiến tạo giá trị VH mới cho địa điểm XD và khu vực lân cận. - Tôn trọng sự đa dạng của yếu tố con người: đa dạng nhu cầu, đa dạng VH. Giải quyết linh hoạt và sinh động mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa các yếu tố, khía cạnh đối lập.
Khi kiến trúc được vận hành một cách NV.	- Phục vụ con người ở nhiều quy mô / cấp độ, tạo điều kiện cho sự cộng sinh hoạt động giữa các đối tượng con người (vốn phức tạp và đa dạng). - Giải quyết hài hòa các lợi ích trước mắt và lâu dài, của các cá nhân và cộng đồng, giữa bên trong và bên ngoài công trình, giữa hiệu quả trực tiếp và gián tiếp,...
Khi các yêu cầu <b>Thích dụng - Bền vững - Kinh tế - Mỹ quan</b> của kiến trúc được hiện thực hóa và thực hiện tốt các chức năng NV theo các cấp độ <b>Đúng - Đẹp - Hay</b>	<b>Đúng</b> (Hiệu quả của các chức năng thông tin, nhận thức) <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đúng: Đáp ứng đúng nhu cầu xác thực của con người, đúng với hoàn cảnh, phù hợp với những nguyên tắc / chuẩn mực của cộng đồng.</li> <li>- Chân thực: Hình thức phù hợp với nội dung, biểu cảm chân thực / tự nhiên, giải pháp đơn giản / hiệu quả, không hình thức chủ nghĩa.</li> <li>- Tự nhiên: Kiến trúc thống nhất hữu cơ với con người và hoàn cảnh, hình thức biểu hiện đúng bản chất, không gượng ép / cực đoan / thái quá.</li> </ul>
	<b>Đẹp</b> (Hiệu quả của các chức năng giáo dục, thẩm mỹ) <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung vật chất: Các yếu tố hình thể hấp dẫn về thị giác, phù hợp với trình độ nhận thức thẩm mỹ, đặc điểm VH và tâm lý của con người.</li> <li>- Nội dung tinh thần: Nội dung hướng tới mục đích NV, gợi những cảm xúc đẹp, đề cao các giá trị thẩm mỹ và lòng nhân ái.</li> <li>- Hình thức biểu hiện: Phản ánh các trạng thái đa dạng của cái đẹp (chân thực, tự nhiên, độc đáo, giản dị, tiết chế...).</li> </ul>
	<b>Hay</b> (Hiệu quả của tất cả các chức năng NV) <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nội dung vật chất: Kết cấu &amp; vật liệu phù hợp, không gian linh hoạt / hiệu quả, hài hòa lợi ích của cá nhân &amp; cộng đồng, có tính chừng mực / tiết chế, góp phần cải thiện cuộc sống.</li> <li>- Nội dung tinh thần: Giải tỏa áp lực tâm lý, tạo cảm xúc lạc quan, truyền tải giá trị tinh thần cao đẹp, thể hiện lòng nhân ái, hướng tới lý tưởng NV.</li> <li>- Hình thức biểu hiện: Ngôn ngữ kiến trúc có tính biểu trưng, đa nghĩa. Cấu trúc sáng tạo / độc đáo, truyền đạt thông điệp có tính tư tưởng, triết lý, ý nghĩa NV sâu sắc.</li> </ul>

Bảng 3.4: Hiệu quả nhân văn - Giá trị nhân văn của kiến trúc

Công trình có giá trị NV khi các yêu cầu kinh điển *Thích dụng - Bền vững - Kinh tế - Mỹ quan* có sự liên hợp với các giá trị *Chân - Ích - Thiện - Mỹ* và được hiện thực hóa bằng những thiết kế cụ thể, thực hiện tốt các chức năng NV - theo các cấp độ **Đúng → Đẹp → Hay**. (Hình 3.2)

**Đúng** (Chân): Thực hiện tốt chức năng thông tin & nhận thức → Đúng + Chân thực + Tự nhiên.

**Đẹp** (Mỹ): thực hiện tốt chức năng giáo dục & thẩm mỹ → Hình thể đẹp + Tinh thần đẹp.



Hình 3.2: Tích hợp và biểu hiện các giá trị NV trong kiến trúc

**Hay** (Thiện / Ích): Thực hiện tốt tất cả các chức năng NV → Nội dung vật chất hay + Nội dung tinh thần hay + Hình thức biểu hiện hay.

### 3.2.3 Tiếp cận nhân văn trong sáng tác kiến trúc

#### • Đề cao vai trò và xây dựng nội dung tinh thần của KT

Nội dung tinh thần trong KT là sự phản ánh yếu tố tinh thần của con người → làm phong phú nội dung tinh thần chung sẽ góp phần tối đa hóa sự hiện diện của yếu tố con người trong KT.

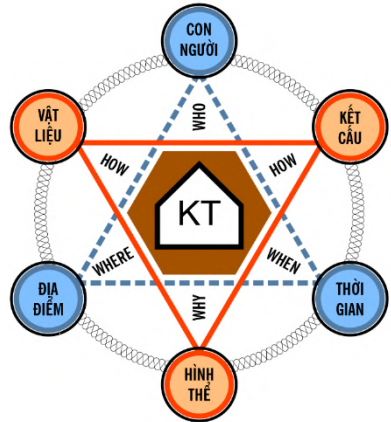
Các yếu tố cơ bản định hình KT được chia thành 2 nhóm (Hình 3.3):

- Nhóm yếu tố đối ngoại: *Địa điểm - Thời gian - Cộng đồng / XH.*
- Nhóm yếu tố đối nội: *Vật liệu - Kết cấu - Hình thể.*

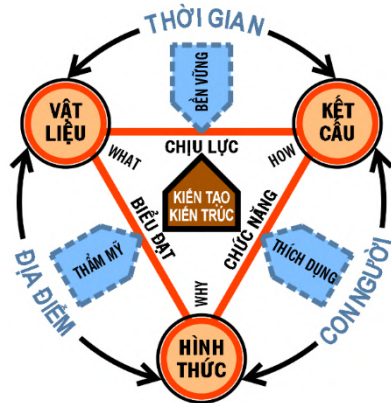
*Địa điểm - Thời gian - Cộng đồng / XH*, định hình KT theo các mối quan hệ đối ngoại, với môi trường không gian, thời gian và nhân gian. Phân tích các khía cạnh tinh thần của Địa điểm, Thời gian, Cộng đồng / XH - để XD nội dung tinh thần của KT.

*Vật liệu - Kết cấu / Cấu trúc - Hình thức*, là các yếu tố vật chất thuộc về quan hệ nội tại của KT, có mối quan hệ thống nhất hữu cơ. Với sự tham dự của con người ở vai trò chủ thể, quy luật kiến tạo của tự nhiên đã được NV hóa trở thành kiến tạo KT (Architectonic).

Kết hợp với khía cạnh tinh thần của các yếu tố **Con người - Địa điểm - Thời gian** để tích hợp và cộng hưởng thành nội dung tinh thần mạnh mẽ của KT, nhằm XD & phát triển ý tưởng KT có tính NV cao (Hình 3.4).



Hình 3.3: Các nhóm yếu tố theo quan hệ đối nội và đối ngoại của KT



Hình 3.4: Đặc trưng kiến tạo KT - Architectonic

- *Cụ thể hóa đặc điểm NV của yếu tố con người trong KT*

Phân tích những cảm xúc của con người lồng ghép trong khía cạnh tinh thần của Địa điểm, Chức năng, Thời gian, Hình thể sẽ góp phần cụ thể hóa biểu hiện của các đối tượng con người tham gia vào mạch NV để phát triển sáng tạo theo định hướng NV.

Nhân văn hóa KT đề cao vai trò của chủ thể sáng tạo (KTS) & chủ thể thụ hưởng (người sử dụng), kết nối thành mạch NV thông qua KT. Để diện mạo của con người được biểu hiện rõ nét, các yếu tố vật chất cần được bổ khuyết những khía cạnh NV cụ thể. Sự liên hệ, tương đồng giữa các khía cạnh cá nhân của những con người tham gia vào mạch NV trong KT sẽ hợp thành phương diện tinh thần phong phú.

Sự hòa hợp của những cái Riêng (cá tính / cá nhân) với cái Chung (cộng đồng / XH) là tiền đề để hình thành hệ giá trị NV nhiều cấp độ, tạo nên tính NV thống nhất và chi phối các biểu hiện NV đa dạng.

- *Tôn trọng cái riêng của các đối tượng “con người” để hóa giải các mâu thuẫn trong KT*

- Bản chất của thế giới & của KT là sự tổng hòa của các mặt đối lập. KTS cần biết chấp nhận các mâu thuẫn cố hữu trong một tổng thể có điều tiết, kiểm soát; cần nhận thức được vấn đề chung & tôn trọng nhu cầu riêng của mỗi con người để giải quyết cho phù hợp.

- Thấu hiểu đặc điểm của các đối tượng con người KTS có thể cân đối, hóa giải được những bất lợi; dung hòa để tạo đồng thuận chung mà cái riêng vẫn được tôn trọng → những cảm xúc & nhận thức mới mẻ, nếu vừa đủ sẽ mang lại sự sống động cho KT.

- Trong Tam tài [Thiên - Địa - Nhân], quan điểm NV lấy ngôi Nhân / Con người là chủ thể. “Nhân hòa” là yếu tố quyết định sự thành công & hiệu quả bền vững → Dung hòa các nhu cầu / lợi ích của các đối tượng trong mạch NV sẽ giúp củng cố các mối quan hệ trong cộng đồng, qua đó giúp KT & con người trở thành thể cộng sinh VH một cách bền chặt.

### **3.3 Tiếp cận nhân văn trong đào tạo KTS tại Việt Nam**

#### **3.3.1 Định hướng nhân văn trong chương trình đào tạo**

- KTS nhân văn là nhân tố quan trọng khởi đầu mạch NV (*Khởi điểm NV*)

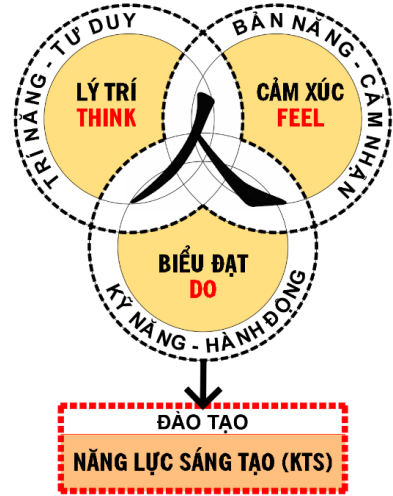
→ Đặt ra vấn đề NV hóa đào tạo KT để các KTS lĩnh hội được quan điểm thiết kế NV & các phẩm chất NV ngay trong nhà trường.

- Đào tạo KTS theo định hướng NV xác định mục đích phát triển con người KTS toàn diện & hài hòa, hướng đến sự thấu hiểu con người, để các giá trị NV trong KT được tạo dựng & phát huy sâu sắc hơn.

- Định hướng NV không yêu cầu phải XD lại toàn bộ chương trình mà từng bước bổ sung những vấn đề XH-NV còn thiếu để điều chỉnh cơ cấu nội dung, thay đổi cách thức tổ chức và phương pháp thực hiện.

- Chương trình đào tạo cân đối / hài hòa giữa khối kiến thức kỹ thuật & XH-NV. Đồ án KT gắn với những con người cụ thể, giải quyết những vấn đề hiện thực, liên kết các kiến thức / kỹ năng, song song với phát triển cách tiếp cận & tư duy NV.

- Phát triển toàn diện năng lực cá nhân của mỗi KTS - hoàn thiện cả **bản năng, trí năng, kỹ năng**. (Hình 3.5)



Hình 3.5: Phát triển năng lực sáng tạo của KTS

### 3.3.2 Phát triển năng lực sáng tạo cá nhân

- *Bồi dưỡng mỹ cảm*: Phát triển khả năng cảm thụ / nhận thức các khía cạnh biểu hiện phong phú của con người thông qua việc phân tích tác phẩm để nhận thức được giá trị NV trong KT & nghệ thuật.

- *Rèn luyện sự nhạy cảm*: Nhạy cảm là tiền đề giúp KTS đạt được sự thấu cảm để XD thành công ý tưởng sáng tạo có tính NV. Rèn luyện khả năng nhạy cảm bằng việc phân tích giá trị NV trong các tác phẩm nghệ thuật, phát triển thành tư tưởng NV trong KT.




- *Làm giàu tiềm thức bằng những cảm xúc tự nhiên*: Tiềm thức là tiền đề cho sự liên tưởng để hình thành ý tưởng KT & tư duy sáng tạo. Những cảm xúc tự nhiên thường nhẹ nhàng, có thể không tác động mạnh, nhưng sẽ thấm sâu & dễ dàng được gọi lên để hỗ trợ cho quá trình XD ý tưởng



sáng tạo. Do đó, cần thường xuyên làm giàu tiềm thức, thông qua trực quan sinh động, trải nghiệm trực tiếp.

### 3.3.3 Vận dụng quan điểm về tính NV để phân tích tác phẩm KT

#### 3.3.4 Tiếp cận NV trong nội dung và phương pháp đào tạo KTS

<p><b>1. Nhà thờ Ronchamp (KTS Le Corbusier, 1955)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức KT đẹp &amp; độc đáo, thực hiện tốt chức năng thẩm mỹ &amp; giáo dục.</li> <li>- Thoát khỏi hình ảnh nhà thờ cổ điển, phù hợp với vị thế của Thiên chúa giáo thời kỳ hậu chiến.</li> <li>- Một sự đột biến, mang tính phản kháng từ bỏ 5 nguyên tắc KT hiện đại do chính mình đề xuất nhưng đang lâm vào khủng hoảng - tự phủ định cái riêng vì lợi ích của cái chung.</li> <li>- Đáp ứng nhu cầu tinh thần / tín ngưỡng của con người trong XH đương đại.</li> </ul>	
<p><b>2. Đài tưởng niệm Bắc Sơn &amp; Đài tưởng niệm Tuyên Quang (KTS Lê Hiệp, 1993-1995)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình tượng KT cổ động, đa nghĩa phù hợp với mục đích tưởng niệm và tôn vinh các liệt sĩ đã hy sinh vì Tổ quốc, nhưng cũng dung dị thân thuộc với con người.</li> <li>- Công trình tưởng niệm không ghi tên tuổi, không tạo cảm giác bi thương mạnh mẽ, nhưng thông qua đó các anh hùng liệt sĩ vẫn sống mãi trong lòng nhân dân.</li> <li>- Bố cục và hình thức KT khai thác các yếu tố thẩm mỹ dân gian - tạo hình đơn giản, khái quát, nhưng dễ hiểu đối với quần chúng, gần gũi với tâm thức dân tộc.</li> <li>- Thực hiện tốt chức năng tưởng niệm những người đã mất, đối với những người đang sống thì KT trở thành những hình tượng biểu trưng cho sự trường tồn, sự hồi sinh.</li> </ul>	
<p><b>3. Khu tưởng niệm vụ thảm sát người Do Thái ở Berlin (KTS Peter Eisenman, 1999).</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội tụ được tinh thần của các yếu tố Con người - Địa điểm - Chức năng - Hình thể - Thời gian.</li> <li>- Không nhấn mạnh vào sự dã man &amp; quy mô của tội ác diệt chủng, không khoét sâu hận thù, mà dẫn dắt con người tới cảnh giới của sự cô lập - để họ cảm nhận được ý nghĩa của cuộc sống.</li> <li>- Công trình mở ra để mọi người có thể tiếp cận tự do từ mọi hướng, không ngăn cách / xa lạ với người dân xung quanh.</li> <li>- Chấp nhận những hoạt động đời thường vốn “không phù hợp” với tính chất tưởng niệm (trẻ em chơi trốn tìm, leo trèo, chơi nhạc,...).</li> </ul>	

- *Nhân văn hóa phương thức đào tạo KT*: gắn liền lý thuyết với thực hành → thúc đẩy quá trình chuyển hóa ở người học. Hệ thống hóa các đ

án KT, kết nối các kiến thức XH-NV → lấy làm xương sống để XD chương trình & tổ chức đào tạo.

- *Nhân văn hóa phương pháp thực hành*: thiết kế dựa trên trải nghiệm thực tế: phát hiện / xác định vấn đề hiện thực → XD nhiệm vụ thiết kế cụ thể → giải quyết vấn đề theo định hướng NV / tiếp cận NV.
- *Nhân văn hóa quá trình XD & phát triển ý tưởng KT*: phát triển tư duy sáng tạo gắn với cách tiếp cận NV.

### 3.3.5 Thử nghiệm cách tiếp cận NV trong đồ án của sinh viên

Vận dụng cách tiếp cận NV trong hướng dẫn đồ án SV đã được NCS thực hiện trong nhiều năm. Đây là phương pháp thực chứng (thử nghiệm, kiểm chứng, điều chỉnh) mà NCS đã sử dụng phục vụ luận án.

<p><b>1. Đồ án Trung tâm văn hóa sách Hà Nội - Giải Nhất ArchiPrix SEA 2016</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trung tâm VH sách HN, địa điểm: phố sách Tràng Tiền - Đinh Lễ -&gt; khai thác tất tinh thần địa điểm.</li> <li>- Khai thác nội dung NV từ việc tương tác giữa con người với những cuốn sách - lan tỏa VH đọc, kết nối cộng đồng, chia sẻ kiến thức &amp; niềm đam mê sách.</li> <li>- Không gian KT gắn kết con người với nhau, và với thiên nhiên, hành lang &amp; cầu nối gọi lại hình ảnh thân thuộc của quá khứ... tất cả kết hợp trong một môi trường đậm chất NV - để mọi lứa tuổi, trình độ, sở thích đều có thể tìm thấy mình trong đó.</li> </ul>	
<p><b>2. Đồ án Bảo tàng Công viên địa chất Đồng Văn - Giải Nhất Loa Thành 2018</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công trình bảo tàng cao nguyên đá Đồng Văn: hình tượng đá đan xen vào tự nhiên + lớp không gian đệm tạo hiệu ứng rừng cây, sương mù. Tinh thần của địa điểm được khai thác tốt, tạo nên sự hòa nhập.</li> <li>- Hành trình tham quan hòa trộn không gian bên trong - bên ngoài, bộc lộ vẻ đẹp hùng vĩ của thiên nhiên, của những thửa ruộng bậc thang, của người nông dân vùng cao trong lao động... Những giá trị bình dị mà cao quý được tôn vinh, lan tỏa.</li> <li>- KT như mọc lên từ đá, mạnh mẽ mà hài hòa. Tạo hình chủ đạo là hình Vuông - tượng trưng cho Đất / Đá &amp; sự kiến định của Con người, ý niệm về cuộc sống con người gắn bó / hòa nhập với môi cảnh.</li> </ul>	
<p><b>3. Đồ án Kết nối - Giải Nhất cuộc thi Không gian sáng tạo Hà Nội - 2021</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công trình là một không gian trưng bày &amp; trải nghiệm nghệ thuật, lấy cảm hứng từ địa danh Long Biên, với mục tiêu hồi sinh các giá trị lịch sử - VH, làm nền tảng cho những trải nghiệm nghệ thuật đương đại.</li> <li>- Ý tưởng chủ đạo của đồ án là “Kết nối” - kết nối con người, kết nối giá trị, kết nối không gian, thời gian...</li> <li>- Lấy nền tảng là các hoạt động nghệ thuật, sự “kết nối” được lan tỏa rộng hơn về không gian, xa hơn về thời gian, để cộng hưởng và chuyển tải các giá trị NV vào cuộc sống một cách tự nhiên và bình dị.</li> </ul>	

### **3.4 Bàn luận về các kết quả nghiên cứu**

#### **3.4.1 Về giá trị nhân văn trong kiến trúc**

- Giá trị NV trong KT liên quan đến sự đa dạng của yếu tố “nhân”. Mỗi con người đều có đời sống cá nhân riêng biệt. Cái riêng ấy phải được tôn trọng bên cạnh cái chung (cộng đồng).
- Phần lớn giá trị NV trong KT được hình thành từ cách tiếp cận của tác giả KTS & từ hoạt động của người sử dụng. Giá trị NV có thể được bổ sung thêm từ những “con người” khác, trong quá trình tạo dựng & vận hành KT → hình thành chuỗi giá trị NV liền mạch trong KT.
- Giá trị của KT thường được nhìn nhận từ góc độ hình thức vật chất, như thế là phiến diện. Giá trị cuối cùng là tinh thần NV của KT đã vượt xa khỏi yếu tố vật chất ấy đến đâu.
- Kiến trúc có giá trị NV vượt thời gian, các yếu tố NV tích lũy trong quá trình sử dụng sẽ góp phần nâng cao giá trị tổng thể của công trình.

#### **3.4.2 Về mối liên hệ với vấn đề bản sắc VH trong kiến trúc**

- Biểu hiện của bản sắc VH trong KT chỉ thực sự được thừa nhận khi được đón nhận & đồng cảm bởi chủ thể VH là con người & cộng đồng.
- XD hệ thống các chuẩn mực & giá trị mới theo tinh thần NV là cơ sở cho sự vận hành của văn hóa KT. Phát huy tính NV trong KT theo cách tiếp cận NV cũng là chuyển hóa bản sắc VH vào KT đương đại. Theo đó, tính NV & các đặc trưng của VH truyền thống sẽ được kế thừa, phát huy trong chuỗi giá trị NV của KT.
- Kiến trúc Việt Nam cần định hướng phát triển “Nhân văn hóa song song với Hiện đại hóa”, khai thác các công nghệ thích hợp để hiện thực hóa các mục tiêu NV. Việc NV hóa yếu tố kỹ thuật (sử dụng các công nghệ & vật liệu thích hợp) cũng góp phần tôn vinh VH địa phương, đổi mới biểu hiện của các giá trị VH bản địa.

#### **3.4.3 Về phương thức tiếp cận nhân văn trong sáng tác kiến trúc**

- Kiến trúc vốn dĩ có gốc NV, nhưng ngày nay chất NV đó đang phai nhạt dần, vì yếu tố “nhân” không còn đơn nhất như trước đây. Giới KT có thể góp phần cài đặt lại tính NV của VH cộng đồng, bằng cách chủ động thiết lập tuyến trung tâm từ KTS đến người sử dụng & cộng đồng



dân cư. Tiếp cận NV hướng tới mục tiêu khôi phục lại bản chất NV tốt đẹp của KT, làm nó phù hợp hơn với người Việt, phát huy những giá trị NV tích cực của VH Việt Nam truyền thống.

- Mạch NV trong KT [Tác giả KTS → Công trình → Người sử dụng / thụ hưởng] cần được xem là chủ đạo, được duy trì và định hướng phát triển để tiếp nối tới cộng đồng dân cư xung quanh.

#### **3.4.4 Về định hướng phát huy giá trị nhân văn trong đào tạo KTS**

- Kiến trúc là một nghệ thuật tổ chức, KTS phải dung hoà các nhu cầu vật chất & tinh thần của những đối tượng liên quan, thấu hiểu & đồng cảm với con người để có tầm nhìn xa đến đích NV, có cách tiếp cận NV, kiên định với mục tiêu NV. Làm giàu tiềm thức, phát triển các năng lực con người (thấu cảm, nhạy cảm) trong quá trình đào tạo chính là để bồi dưỡng phẩm chất NV cho các KTS tương lai.

- Việc phát triển các năng lực cá nhân có thể được lồng ghép trong các học phần lý thuyết & thực hành chuyên ngành với hình thức các bài nghiên cứu / phân tích / đánh giá / liên hệ / xâu chuỗi vấn đề.

- NV hóa nội dung & phương pháp đào tạo KTS một cách bài bản cần có sự tham gia đồng bộ / hiệu quả từ phía Khoa Kiến trúc & Nhà trường, phát huy thế mạnh của mô hình đào tạo theo Xưởng. Đó sẽ là bước tiến đến việc NV hóa môi trường đào tạo, XD một môi trường thân thiện, gần gũi, cởi mở, gắn kết thầy - trò, kết nối các thế hệ SV, làm nền tảng cho việc đào tạo các KTS nhân văn - đóng vai trò “Khởi điểm nhân văn” của KT.

## **KẾT LUẬN – KIẾN NGHỊ**

### **1. Kết luận:**

Các kết quả mà luận án đã đạt được là phù hợp với mục đích nghiên cứu & đáp ứng đúng các nhiệm vụ nghiên cứu đã đặt ra. Cụ thể như sau:

- Làm rõ nội hàm của khái niệm tính NV & nhận thức việc yếu tố NV trong KT thời hiện đại đã bị phủ lấp / bị sai lệch. Luận án đã xác lập một cách sâu sắc & toàn diện các cơ sở khoa học của vấn đề tính NV trong KT.
- Đề xuất các quan điểm & nguyên tắc để tái khám phá các giá trị NV truyền thống & phát huy tính NV trong KT đương đại Việt Nam. Tính

NV vốn hiện diện trong KT với những yếu tố riêng rẽ được tích hợp & kết nối thành chuỗi giá trị NV liền mạch, được phát triển thành một thuộc tính VH thường trực, một phẩm chất tinh thần cao quý của KT.

- Làm rõ các đặc trưng cơ bản của KT có tính NV - làm cơ sở để nhận diện các biểu hiện của tính NV trong KT, và để định hướng / đánh giá KT theo quan điểm NV.
- Đề xuất cách tiếp cận NV trong quá trình thiết kế & tạo dựng KT: khai thác đặc điểm NV của các đối tượng con người có liên quan; kết nối thành mạch NV liên tục & xuyên suốt, từ Tác giả (KTS) → Tác phẩm (kiến trúc) → Người thụ hưởng & cộng đồng.
- Đề xuất cách tiếp cận NV trong đào tạo KTS theo định hướng NV. KTS được phát triển toàn diện (bản năng + trí năng + kỹ năng), thấm nhuần tư tưởng NV để thực hiện vai trò là khởi điểm cho mạch NV trong KT.
- Nghiên cứu của luận án cho phép khẳng định việc phát huy tính NV trong KT đương đại Việt Nam (khai thác đặc trưng NV của VH cộng đồng, hướng tới con người Việt Nam hiện đại) đồng thời cũng là sự tiếp nối & tạo dựng bản sắc VH trong KT đương đại, góp phần phát triển nền KT Việt Nam “tiên tiến và đậm đà bản sắc”.

## **2. Kiến nghị:**

- *Với các cơ quan quản lý:* tiếp cận NV trong KT là tự giác / tự nguyện, trên cơ sở sự đồng thuận, không có quy định pháp lý nào ràng buộc, kiểm soát và điều chỉnh cụ thể, do đó các dự án NV cần được ưu tiên, tháo gỡ các vướng mắc vì lợi ích của người dân.
- *Với Hội KTS Việt Nam:* cần đưa vấn đề NV hóa KT vào định hướng phát triển của ngành; củng cố nhận thức về tính NV, nâng cao ý thức trách nhiệm XH cho các KTS thiết kế; động viên, khuyến khích các KTS đưa cách tiếp cận NV lan tỏa trong thực tiễn nghề nghiệp;
- *Với các cơ sở đào tạo KTS:* ưu tiên phát triển yếu tố con người - bồi dưỡng & trang bị cách tiếp cận NV cho đội ngũ giảng viên để thực hiện đào tạo theo định hướng NV. Lấy tư tưởng NV làm mục đích và yêu cầu xuyên suốt - từ XD triết lý đào tạo & xác định chuẩn đầu ra ngành KT, cho đến đổi mới nội dung chương trình & phương pháp giảng dạy / học tập./.

**Danh mục các công trình khoa học đã công bố  
của tác giả có liên quan đến luận án**

1. Nguyễn Trần Liêm (2019), *Kiến trúc Việt Nam nhìn từ quan điểm nhân văn*. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế về Kiến trúc và Xây dựng 2019: Đào tạo, Hội nhập & Phát triển bền vững (ICACE 2019) - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội. NXB Khoa học và kỹ thuật. ISBN: 978-604-67-1456-9;
2. Nguyễn Trần Liêm (2021), *Tiếp cận nhân văn nhằm khắc phục những bất cập trong xây dựng các khu tái định cư ven biển ở Việt Nam*. Tạp chí Khoa học Kiến trúc và Xây dựng - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (Số 40/2021). ISSN: 1859-350X;
3. Nguyễn Trần Liêm (2022), *Những biểu hiện của tính nhân văn trong kiến trúc đương đại Việt Nam*. Tạp chí Kiến trúc - Hội Kiến trúc sư Việt Nam (Số 07/2022). ISSN: 0866-8617;
4. Nguyễn Trần Liêm (2022), *Tính nhân văn trong kiến trúc - Bắt đầu từ quá trình đào tạo kiến trúc sư*. Tạp chí Kiến trúc - Hội Kiến trúc sư Việt Nam (Số 11/2022). ISSN: 0866-8617.

